

MARKET INSIGHTS REPORTS

28/11/2022

SẢN HỎA ĐẢ KIẾP (THEO LỬA MÀ HÀNH ĐỘNG)



NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long White Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng tăng là tín hiệu tốt về mặt phân tích kỹ thuật.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index vượt mốc kháng cự động MA(20) xác nhận xu hướng tăng giá trung hạn. (ii) Thị trường có sự lan tỏa với thép, ngân hàng, chứng khoán và bất động sản giao dịch tốt. Đây là nhóm có khả năng dẫn dắt tâm lý thị trường. (iii) Thị trường đã có ngày bùng nổ theo đà.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 18 mã cho tín hiệu mua, 04 mã cho tín hiệu bán, 08 mã cho tín hiệu đi ngang. VHM, MWG, PLX...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 65.21% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số giao dịch giằng co giữa tăng và giảm vào ngày mai với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Kháng cự là 1.040 điểm. Hỗ trợ 980 điểm.

Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

Biểu đồ trong ngày:

- Dự báo GDP và thị trường tài chính Mỹ;
- Định giá P/E so với lịch sử;
- Lịch sử thị trường gấu của cổ phiếu công nghệ;
- Dự báo tăng trưởng GDP Trung Quốc;

TTCK Mỹ: Dự báo tối nay các chỉ số chứng khoán Mỹ sẽ điều chỉnh giảm.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	587
Số cổ phiếu không có giao dịch	42
Số cổ phiếu tăng giá	421 / 66.93%
Số cổ phiếu giảm giá	72 / 11.45%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	136 / 21.62%

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	235
Số cổ phiếu không có giao dịch	106
Số cổ phiếu tăng giá	172 / 50.44%
Số cổ phiếu giảm giá	31 / 9.09%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	138 / 40.47%

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	352
Số cổ phiếu không có giao dịch	507
Số cổ phiếu tăng giá	245 / 28.52%
Số cổ phiếu giảm giá	70 / 8.15%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	544 / 63.33%

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	100,474,590	34,186,208	66,288,382
% KL toàn thị trường	10,33%	3,52%	
Giá trị	2732,28 tỷ	1054,10 tỷ	1678,18 tỷ
% GT toàn thị trường	19,58%	7,55%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,029,400	673,121	356,279
% KL toàn thị trường	1,31%	0,86%	
Giá trị	26,52 tỷ	10,25 tỷ	16,27 tỷ
% GT toàn thị trường	4,16%	1,61%	

UPCOM

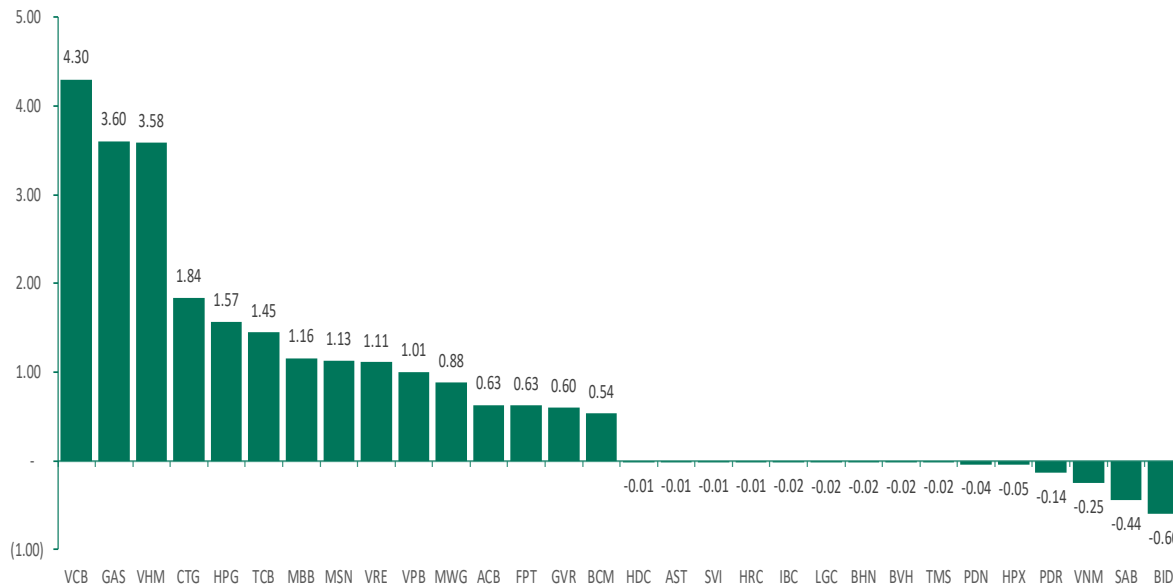
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	281,989	238,742	43,247
% KL toàn thị trường	0,76%	0,65%	
Giá trị	6,78 tỷ	4,89 tỷ	1,89 tỷ
% GT toàn thị trường	1,81%	1,30%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

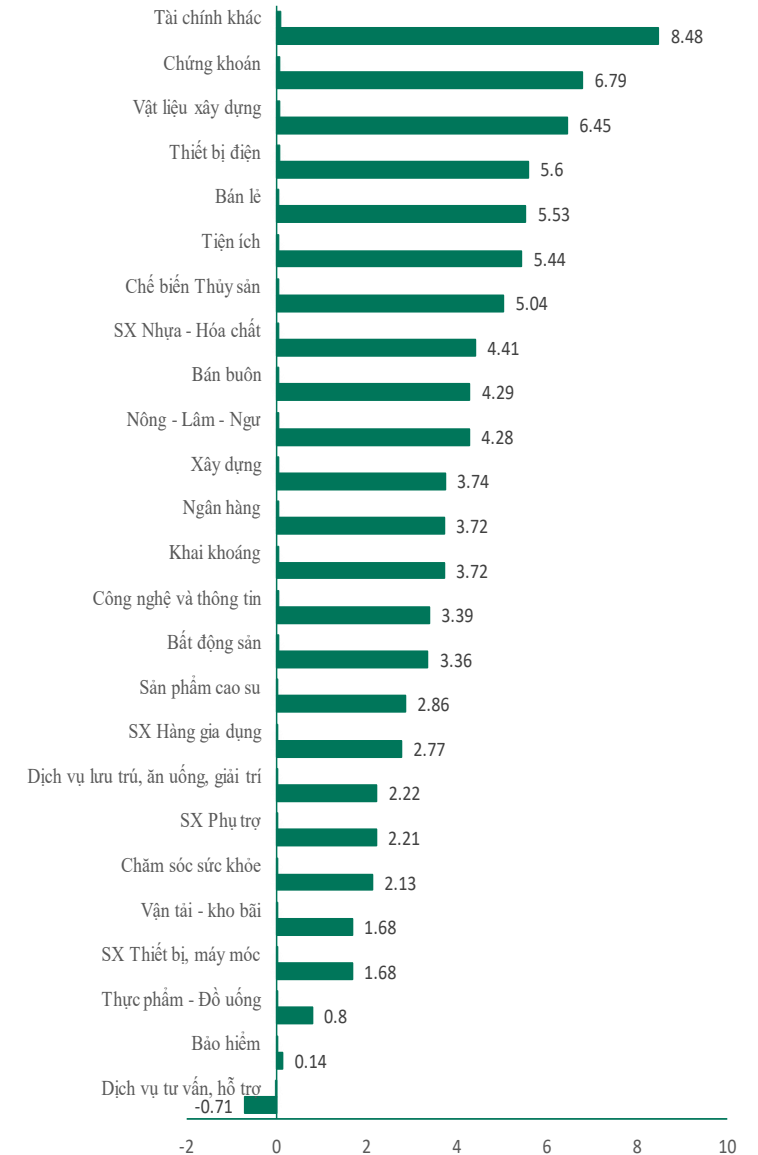
TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,341,900	76,700	3,600 (4.92%)	18.28	2.83	4,195	362,984
2	VIC	3,249,900	65,000	0 (0%)	(94.89)	1.81	(685)	247,906
3	VHM	7,815,000	50,200	3,200 (6.81%)	5.57	1.56	9,015	218,589
4	GAS	370,200	112,100	7,300 (6.97%)	25.73	3.70	4,356	214,554
5	BID	2,605,800	39,500	-500 (-1.25%)	22.85	1.98	1,729	199,812
6	VNM	2,299,200	81,700	-500 (-0.61%)	18.09	5.05	4,517	170,749
7	MSN	2,126,900	97,200	3,200 (3.4%)	13.37	3.89	7,269	138,386
8	CTG	11,090,400	27,300	1,500 (5.81%)	8.16	1.24	3,347	131,197
9	SAB	297,700	177,100	-2,900 (-1.61%)	32.19	4.39	5,502	113,571
10	VPB	16,558,000	16,100	600 (3.87%)	6.08	1.06	2,647	108,083

TOP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



TTCK VIỆT NAM: Sẵn hỏa đả kiếp

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 34.23 điểm (+ 3.52%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Tài chính khác, vật liệu xây dựng, chứng khoán, thiết bị điện, bán lẻ... là nhóm tăng giá mạnh nhất trên sàn trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như IPA, OGC, VND, SSI, HCM, VCI, GEX, RAL, SAM, HSG, HPG, NKG, FRT, MWG ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

- (i) HSG tăng trần và đã thiết lập mốc cao mới trong đợt tăng giá này:
 - ✓ Ngành thép vẫn thường là ngành tăng giá tốt trong giai đoạn đầu của chu kỳ tạo đáy và hiện tại thị trường cũng đang thiết lập xu hướng này và đó là tín hiệu tốt của thị trường chứng khoán. Điều này hàm ý chúng ta đang có hình ảnh chu kỳ lặp lại;
 - ✓ HSG đã vượt kênh kháng cự giảm giá thiết lập từ tháng 9/2022 – Tín hiệu tích cực;
 - ✓ Kháng cự tiếp theo của HSG quanh vùng giá 12;
- (ii) Nhóm chứng khoán tăng giá tốt. Chúng tôi vẫn lạc quan về xu hướng tăng giá của nhóm này trong ngắn hạn:
 - ✓ Nhóm cổ phiếu có hệ số Beta cao. Do vậy, thường tăng mạnh khi thị trường tăng giá và giảm mạnh khi thị trường giảm giá;
 - ✓ HCM, SSI, VND, VIX... đều vượt kênh giảm giá ngắn hạn và đang thiết lập kênh tăng giá trung hạn;
 - ✓ Nhà đầu tư nên tiếp tục đầu tư vào nhóm cổ phiếu này;
- (iii) MWG, FRT cũng có ngày giao dịch tốt. Với mẫu hình hôm nay, cả hai đang quay trở lại trạng thái đồ thị tích cực:
 - ✓ Mô hình hai đáy cảnh báo sự đảo chiều
 - ✓ Phân kỳ dương kép cảnh báo sự đảo chiều ở đây;
 - ✓ Foxcom đang bị biểu tình sẽ khiến sản lượng Iphone tiếp tục sụt giảm;

(2) Dịch vụ tư vấn hỗ trợ ... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như VLA... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

- (i) Phần lớn các cổ phiếu trong nhóm này đều đóng cửa tăng giá trừ VLA;
- (ii) Thanh khoản của nhóm này ở mức thấp và có lẽ không hấp dẫn các nhà đầu tư trong bối cảnh hiện tại;

(3) Nhóm bất động sản và ngân hàng giao dịch tốt vào cuối ngày trong đó dẫn đầu mức tăng là CEO, STB, CTG, DXG, DIG...

- (i) Ngành bất động sản có xu hướng mất thanh khoản trong ngày hôm nay trừ NVL:
 - ✓ CEO dẫn dắt nhóm ngành bất động sản tăng giá và hiện đối mặt với kháng cự động MA(50), các cổ phiếu khác đang đối mặt với kháng cự động MA(20).
 - ✓ Giao dịch nhóm này có thể đối mặt với áp lực chốt lời gia tăng vào ngày mai;
 - ✓ NVL đã được giải cứu và kết thúc chuỗi 17 phiên sàn. Ngày mai cổ phiếu này có thể tăng trở lại;
- (ii) CTG giao dịch tốt và trở thành cổ phiếu dẫn dắt đà tăng của nhóm ngân hàng:
 - ✓ CTG vượt kênh kháng cự trung hạn và hình thành xu hướng tăng giá tốt
 - ✓ Khối ngoại mua ròng mạnh hỗ trợ đà tăng của cổ phiếu;
 - ✓ Kháng cự tiềm năng quanh vùng giá 30;
- (4) Nhóm đầu tư công cũng có ngày giao dịch tốt.**
 - ✓ VCG, HBC... đều có phân kỳ dương kép hoặc tam đọa cảnh báo sự đảo chiều ở đây;
 - ✓ Kỳ vọng giải ngân đầu tư công sẽ giúp nhóm này cải thiện hiệu quả kinh doanh trong trong năm 2023;
 - ✓ Nhóm này hồi phục ít, giá giảm mạnh và dòng tiền đầu cơ đã xuất hiện hôm nay;

Phân tích kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long White Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên mức mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng tăng là tín hiệu tốt về mặt phân tích kỹ thuật.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index vượt mốc kháng cự động MA(20) xác nhận xu hướng tăng giá trung hạn. (ii) Thị trường có sự lan tỏa với thép, ngân hàng, chứng khoán và bất động sản giao dịch tốt. Đây là nhóm có khả năng dẫn dắt tâm lý thị trường. (iii) Thị trường đã có ngày bùng nổ theo đà.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 18 mã cho tín hiệu mua, 04 mã cho tín hiệu bán, 08 mã cho tín hiệu đi ngang. VHM, MWG, PLX... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 65.21% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số giao dịch giằng co giữa tăng và giảm vào ngày mai với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Kháng cự là 1.040 điểm. Hỗ trợ 980 điểm.

HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	329.26	326.15	332.37	NO	341.7	347.91	360.35	366.56	323.05	310.61	304.4	291.96
HNINDEX	201.7	200.52	202.88	NO	206.42	208.77	213.49	215.84	199.35	194.63	192.28	187.56
UPINDEX	69.49	69.24	69.74	NO	70.53	71.08	72.12	72.67	68.94	67.9	67.35	66.31
VN30	994.88	990.15	999.61	NO	1015.52	1026.71	1047.35	1058.54	983.69	963.05	951.86	931.22
VNINDEX	997.13	992.85	1001.41	NO	1014.78	1023.87	1041.52	1050.61	988.04	970.39	961.3	943.65
VNXALL	1503.75	1494.44	1513.05	NO	1541.08	1559.81	1597.14	1615.87	1485.02	1447.69	1428.96	1391.63
VN30FIM	991.37	990.2	992.53	NO	1010.33	1026.97	1045.93	1062.57	974.73	955.77	939.13	920.17
VN30FIQ	980.67	979.45	981.88	NO	1000.33	1017.57	1037.23	1054.47	963.43	943.77	926.53	906.87
VN30F2M	986.93	986.05	987.82	YES	1006.77	1024.83	1044.67	1062.73	968.87	949.03	930.97	911.13
VN30F2Q	980.57	976.85	984.28	NO	1001.13	1014.27	1034.83	1047.97	967.43	946.87	933.73	913.17
BID	39.7	39.8	39.6	NO	40.4	41.3	42	42.9	38.8	38.1	37.2	36.5
BVH	47.17	47.35	46.98	NO	47.53	48.27	48.63	49.37	46.43	46.07	45.33	44.97
CTG	26.95	26.78	27.13	NO	27.8	28.3	29.15	29.65	26.45	25.6	25.1	24.25
FPT	73.7	73.4	74	NO	75.1	75.9	77.3	78.1	72.9	71.5	70.7	69.3
GAS	109.4	108.05	110.75	NO	114.8	117.5	122.9	125.6	106.7	101.3	98.6	93.2
GVR	14.02	13.98	14.06	NO	14.28	14.47	14.73	14.92	13.83	13.57	13.38	13.12
HDB	15.33	15.27	15.39	NO	15.67	15.88	16.22	16.43	15.12	14.78	14.57	14.23
HPG	16.1	15.98	16.23	NO	16.6	16.85	17.35	17.6	15.85	15.35	15.1	14.6
KDH	23.62	23.42	23.81	NO	24.38	24.77	25.53	25.92	23.23	22.47	22.08	21.32
MBB	16.93	16.8	17.07	NO	17.47	17.73	18.27	18.53	16.67	16.13	15.87	15.33
MSN	95.97	95.35	96.58	NO	98.43	99.67	102.13	103.37	94.73	92.27	91.03	88.57
MWG	39.62	39.35	39.88	NO	40.93	41.72	43.03	43.82	38.83	37.52	36.73	35.42
NVL	20.23	20.13	20.34	NO	21.42	22.38	23.57	24.53	19.27	18.08	17.12	15.93
PDR	12	12	12	YES	12	12	12	12	12	12	12	12
PLX	28.9	28.67	29.13	NO	29.8	30.25	31.15	31.6	28.45	27.55	27.1	26.2
POW	11.13	11.05	11.22	NO	11.47	11.63	11.97	12.13	10.97	10.63	10.47	10.13
SAB	174.83	173.7	175.97	NO	182.27	187.43	194.87	200.03	169.67	162.23	157.07	149.63
SSI	18	17.88	18.13	NO	18.5	18.75	19.25	19.5	17.75	17.25	17	16.5
STB	19.5	19.4	19.6	NO	19.95	20.2	20.65	20.9	19.25	18.8	18.55	18.1
TCB	24.15	23.92	24.38	NO	25.05	25.5	26.4	26.85	23.7	22.8	22.35	21.45
TPB	20.78	20.67	20.89	NO	21.52	22.03	22.77	23.28	20.27	19.53	19.02	18.28
VCB	75.83	75.4	76.27	NO	77.87	79.03	81.07	82.23	74.67	72.63	71.47	69.43
VHM	49.27	48.8	49.73	NO	51.13	52.07	53.93	54.87	48.33	46.47	45.53	43.67
VIB	18.92	18.85	18.98	NO	19.43	19.82	20.33	20.72	18.53	18.02	17.63	17.12
VIC	65.7	66.05	65.35	NO	66.4	67.8	68.5	69.9	64.3	63.6	62.2	61.5
VIC	101.97	101.85	102.08	NO	102.83	103.47	104.33	104.97	101.33	100.47	99.83	98.97
VNM	82.27	82.55	81.98	NO	82.83	83.97	84.53	85.67	81.13	80.57	79.43	78.87
VPB	15.97	15.9	16.03	NO	16.33	16.57	16.93	17.17	15.73	15.37	15.13	14.77
VRE	28.72	28.42	29.01	NO	29.88	30.47	31.63	32.22	28.13	26.97	26.38	25.22

CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
NVL	104,256,496	17,159,600	608	0
PDR	41,731,000	4,142,750	1,007	-6.98
VIX	34,946,500	12,715,960	275	3.12
TPB	12,703,500	4,079,460	311	3.45
VHM	7,815,000	2,727,730	286.5	6.81
VRE	4,231,400	1,721,790	246	6.93
ORS	3,658,900	1,269,410	288	6.98
MSB	3,587,100	1,777,180	201.84	4.92
BAF	2,871,100	1,331,300	216	2.08
EVG	2,140,100	800,610	267	4.22
TVC	1,117,200	552,530	202.2	8.89
IPA	866,500	343,610	252	9.65
NED	546,300	265,590	206	7.84
SRA	504,700	191,900	263	9.37
VIG	478,100	212,780	225	9.09
VPH	475,400	230,140	206.57	6.85
TKC	456,600	196,080	233	8.33
KHP	440,300	122,150	360	6.91
PSH	401,000	182,050	220	6.86
TDH	382,800	162,810	235	6.44
PGN	368,300	150,990	243.92	-2.82
ITD	363,600	137,210	265	5.88
PVG	329,400	164,620	200	9.86
BMS	321,400	62,100	518	11.54
BCM	300,800	98,970	304	2.8
NRC	292,100	136,860	213.43	-8.89
EVS	267,400	112,420	238	6.78
VLB	263,000	109,170	241	5.68
DBD	216,700	22,020	984	0.83
HBS	193,900	38,980	497	9.8
PSI	189,300	54,900	345	8.33
IVS	183,800	42,540	432	8.33
SPI	169,900	17,510	970	0
BTS	156,000	28,110	555	9.09
KMR	155,700	69,980	222	6.52
SDD	140,700	62,350	226	12.5
EVE	134,500	50,860	264	4.09
MQN	118,000	470	25,106	8.7
VTV	114,400	41,200	278	9.3
MHC	113,100	42,370	267	4.5

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: NVL... bùng nổ khối lượng giao dịch;

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
28-Nov	VRE	Mua	≤ 30	10% -20%	Buy Kumo Break Out
28-Nov	DPG	Mua	≤ 27.5	10% -20%	Buy Kumo Break Out
28-Nov	DXG	Mua	≤ 11.8	10% -20%	Buy Kumo Break Out

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi mở mua 03 cổ phiếu mới.
- Nhóm ngân hàng phát, thép, chứng khoán cho thấy khả năng dẫn dắt thị trường tốt trong giai đoạn điều chỉnh;
- Chúng tôi nhận thấy nhóm đầu tư công đang thu hút dòng tiền mới.
- Thị trường có ngày bùng nổ theo đà được xác nhận.
- Giao dịch hôm nay cho thấy thị trường không lặp lại cảnh tháng 10 và tháng 11 – Đó là tín hiệu cho thấy “Ai rồi cũng sẽ khác”
- Thông báo của Quỹ ngoại từ Đài Loan Fubon Securities Investment Trust Co., Ltd thì đợt chào bán Chứng chỉ Quỹ bổ sung lần thứ tư đã được Cục Ngoại hối của Ngân hàng Trung ương phê duyệt và được công bố và đây là tin tốt với kỳ vọng TTCK tiếp tục được bổ sung vốn ngoại;
- ✓ Ngày 23/11/2022, Quỹ đã được sự chấp thuận của Ủy ban Giám sát Tài chính và chấp thuận huy động bổ sung 5 tỷ Đài tệ (Tương đương 4,000 tỷ đồng);
- ✓ Quỹ sẽ mở đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ từ ngày 29 tháng 11 năm 2022.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị phần lớn đều đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

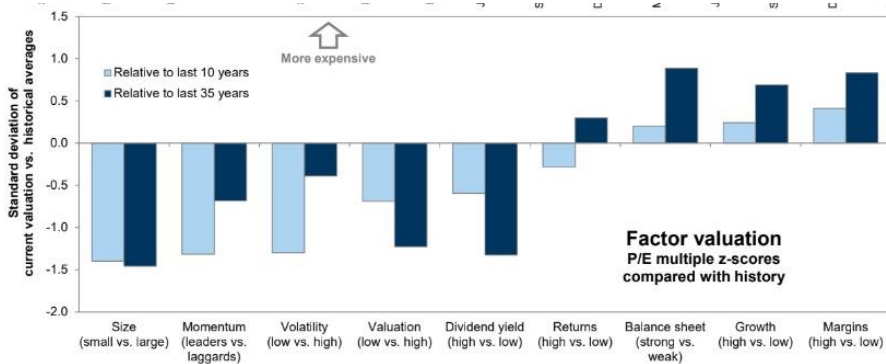
Dự báo GDP và thị trường tài chính Mỹ

The US Economic and Financial Outlook

THE US ECONOMIC AND FINANCIAL OUTLOOK
(% change on previous period, annualized, except where noted)

	2020	2021	2022 (f)	2023 (f)	2024 (f)	2025 (f)	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4
OUTPUT AND SPENDING														
Real GDP	-2.8	5.9	1.9	1.1	1.6	1.9	-1.6	-0.6	2.6	0.9	0.8	1.0	1.3	1.3
Real GDP (annual=Q4/Q4, quarterly=yo/y)	-1.5	5.7	0.3	1.1	1.9	1.9	3.7	1.8	1.8	0.3	0.9	1.3	1.0	1.1
Consumer Expenditures	-3.0	8.3	2.8	1.9	1.8	1.9	1.3	2.0	1.4	3.3	1.5	1.5	1.5	1.5
Residential Fixed Investment	7.2	10.7	-10.2	-15.8	-0.1	2.0	-3.1	-17.8	-26.4	-21.3	-17.5	-10.0	-5.0	0.0
Business Fixed Investment	-4.9	8.4	-3.3	1.9	-3.3	-3.6	7.9	0.1	3.7	0.1	2.1	-2.3	2.4	3.0
Structures	-10.1	-6.4	-9.5	-4.8	2.4	3.0	-4.4	-12.7	-16.4	-10.9	0.0	0.0	1.0	2.0
Equipment	-10.5	10.3	4.5	2.0	2.6	3.0	11.4	-2.1	10.8	0.0	1.0	1.5	1.5	2.5
Intellectual Property Products	4.8	9.7	8.8	4.9	4.3	4.5	10.8	8.9	6.9	5.5	4.0	4.0	4.0	4.0
Federal Government	6.2	2.3	-3.1	-0.8	-0.1	0.0	-5.3	-3.4	3.7	-3.0	-1.0	-1.0	0.0	0.0
State & Local Government	0.4	-0.5	0.3	0.8	1.0	1.0	-0.4	-0.6	1.7	0.2	1.0	1.0	1.0	1.0
Net Exports (\$bn, '12)	-923	-1,233	-1,369	-1,304	-1,351	-1,371	-1,489	-1,431	-1,274	-1,282	-1,282	-1,296	-1,308	-1,329
Inventory Investment (\$bn, '12)	-55	-19	112	75	66	60	215	110	62	61	75	75	75	75
Industrial Production, Mfg	-6.3	5.7	3.5	1.5	2.5	3.2	3.6	3.2	0.3	1.7	1.4	1.5	1.8	2.1
HOUSING MARKET														
Housing Starts (units, thous)	1,395	1,605	1,613	1,570	1,570	1,570	1,720	1,647	1,458	1,627	1,570	1,570	1,570	1,570
New Home Sales (units, thous)	831	769	631	549	722	786	776	609	608	533	496	528	559	613
Existing Home Sales (units, thous)	5,638	6,127	5,057	3,831	4,147	4,509	6,057	5,373	4,770	4,028	3,750	3,793	3,858	3,924
Case-Shiller Home Prices (%yo/y)*	9.5	18.8	6.7	-7.5	-2.2	3.8	20.0	19.6	13.1	6.7	-1.0	-7.4	-8.2	-7.5
INFLATION (% ch, yr/yr)														
Consumer Price Index (CPI)**	1.3	7.1	6.8	3.2	2.6	2.5	8.0	8.6	8.3	7.2	5.7	4.0	3.2	3.1
Core CPI **	1.6	5.5	5.9	3.2	2.7	2.5	6.3	6.0	6.3	6.1	5.6	4.7	3.8	3.3
Core PCE** †	1.5	5.0	4.5	2.9	2.4	2.2	5.3	5.0	4.9	4.7	4.1	3.7	3.3	2.9
LABOR MARKET														
Unemployment Rate (%)*	6.7	3.9	3.6	4.1	4.2	4.2	3.6	3.6	3.5	3.6	3.8	3.9	4.0	4.1
U6 Underemployment Rate (%)*	11.7	7.3	6.7	7.7	8.0	7.9	7.0	6.6	6.7	6.7	7.0	7.2	7.5	7.7
Payrolls (thous, monthly rate)	-774	562	370	29	52	60	539	349	381	212	40	25	25	25
Employment-Population Ratio (%)*	57.4	59.5	60.0	59.6	59.4	59.2	60.1	59.9	60.1	60.0	59.9	59.8	59.7	59.6
Labor Force Participation Rate (%)*	61.5	61.9	62.3	62.2	62.0	61.8	62.4	62.2	62.3	62.3	62.3	62.2	62.2	62.2
Average Hourly Earnings (%yo/y)	4.9	4.2	5.1	4.2	3.7	3.3	5.4	5.3	5.1	4.7	4.5	4.4	4.1	4.0
GOVERNMENT FINANCE														

Định giá P/E so với lịch sử



Compustat, FactSet, I/B/E/S, and Goldman Sachs Global Investment Research.

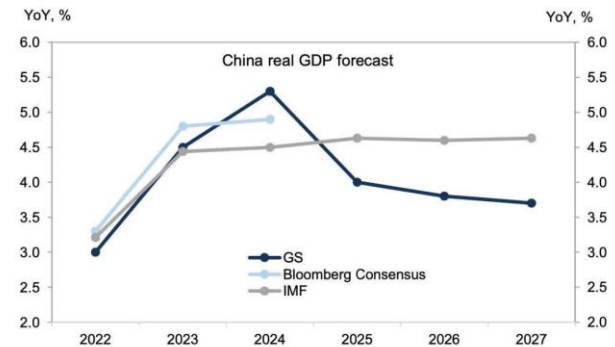
Lịch sử thị trường gấu của cổ phiếu công nghệ

History of Bear Markets – Nasdaq Composite

Start	End	% Change	Days
1/11/1973	10/3/1974	(59.9%)	630
9/13/1978	11/14/1978	(20.4%)	62
2/8/1980	3/27/1980	(24.9%)	48
5/29/1981	8/13/1982	(28.7%)	441
6/24/1983	7/25/1984	(31.5%)	397
8/26/1987	10/28/1987	(35.9%)	63
10/9/1989	10/16/1990	(33.0%)	372
7/20/1998	10/8/1998	(29.5%)	80
3/10/2000	5/23/2000	(37.3%)	74
7/17/2000	1/2/2001	(46.4%)	169
1/24/2001	4/4/2001	(42.7%)	70
5/22/2001	9/21/2001	(38.5%)	122
1/4/2002	10/9/2002	(45.9%)	278
10/31/2007	11/20/2008	(54.0%)	386
1/6/2009	3/9/2009	(23.2%)	62
8/29/2018	12/24/2018	(23.6%)	117
2/19/2020	3/23/2020	(30.1%)	33
11/19/2021	10/13/2022	(37.0%)	225
Average		(35.7%)	202
Median		(34.4%)	120

Dự báo tăng trưởng GDP Trung Quốc

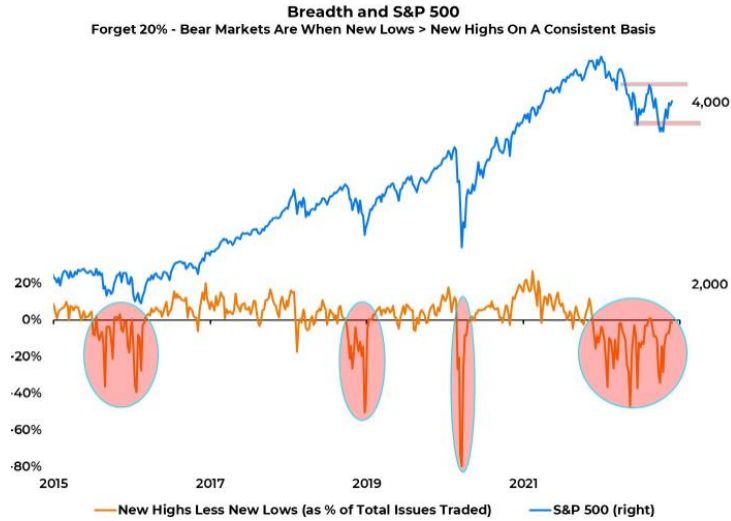
Exhibit 5: We expect above-consensus growth in 2024 but below-consensus growth thereafter...



Source: Bloomberg, IMF, Goldman Sachs Global Investment Research

TTCK MỸ: Thị trường cần xác nhận xu hướng dài hạn

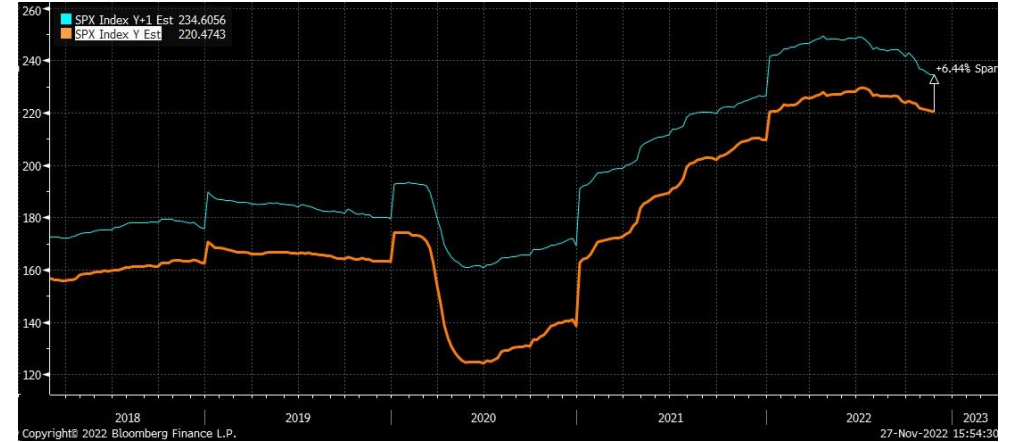
Độ rộng thị trường chứng khoán Mỹ đang rất tích cực mang lại nhiều hy vọng về triển vọng tăng giá dài hạn



Tuy nhiên, cấu trúc giao dịch hiện tại vượt qua kháng cự mới xác nhận xu hướng tăng giá này một cách bền vững bởi nếu không, xác suất thêm 1-2 đợt giảm mạnh nữa vẫn sẽ xuất hiện



Dự báo lợi nhuận doanh nghiệp S&P 500 tiếp tục tăng trong năm 2023



Dự báo chỉ số chứng khoán Mỹ tới nay sẽ điều chỉnh giảm



Kết luận: Dự báo tới nay các chỉ số chứng khoán Mỹ sẽ điều chỉnh giảm.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: 0243 – 5739779

Fax: 0243 – 5739769